

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 12 năm 2023

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I GDKTVÀ PL10 NĂM HỌC: 2023 – 2024
THỜI GIAN: 45 phút

STT	CHỦ ĐỀ	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC																Tổng số câu		Tổng thời gian	TỈ LỆ %
			NHẬN BIẾT				THÔNG HIỂU				VẬN DỤNG				VẬN DỤNG CAO							
			Ch TN	TG	Ch TL	TG	Ch TN	TG	Ch TL	TG	Ch TN	TG	Ch TL	TG	Ch TN	TG	Ch TL	TG	Ch TN	Ch TL		
1	CD 3: NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ THUẾ	Bài 6: Thuế	4	4	0	0	4	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8	0	9	20%
2		Bài 7: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	4	4	0	0	4	3	0	0	0	0	1	4	0	0	0	0	8	1	11	30%
3	CD 4: SXKD VÀ CÁC MÔ HÌNH	Bài 8: Tín dụng	4	5	0	0	4	5	0	0	0	0	1	5	0	0	0	0	8	1	15	30%

	SXKD																					
4	CD 5: TÍN DỤNG VÀ CÁCH SỬ DỤNG CÁC DỊCH VỤ TÍN DỤNG	Bài 9: Tín dụng và vai trò của tín dụng	4	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	5	4	1	10	20%
<i>Tổng</i>			16 TN	18	0	0	12 TN	13	0	0	0	0	2 TL	9	0	0	1 TL	5	28	3	45	100 %
<i>Tỉ lệ</i>			40%				30%				20%				10%				70 %	30 %		100 %
<i>Tổng điểm</i>			4 ĐIỂM				3 ĐIỂM				2 ĐIỂM				1 ĐIỂM				10 ĐIỂM			

ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I

TT	Chủ đề	Mạch kiến thức	Mức độ đánh giá	Các mức độ nhận thức							
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao	
				TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
1	Chủ đề 3: NSNN và thuế	Bài 6: Thuế	Nhận biết: Nêu được khái niệm thuế là gì, một số loại thuế ở nước ta hiện nay. Nêu được các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân khi thực hiện pháp luật về thuế Thông hiểu:	4	0	4	0	0	0	0	0

			Giải thích được vì sao nhà nước phải thu thuế. Phân biệt được sự khác nhau giữa các chủ thể nộp thuế. Nêu được một số ví dụ thể hiện công dân phản ánh việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân khi thực hiện pháp luật về thuế								
2	Chủ đề 4: SXKD và các mô hình SXKD	Bài 7: SXKD và các mô hình SXKD	Nhận biết: Nêu được khái niệm sản xuất kinh doanh. Chỉ ra được những vai trò cơ bản của sản xuất kinh doanh. Thông hiểu: Nhận biết được một số mô hình sản xuất kinh doanh và đặc điểm của nó. Tìm hiểu, đánh giá và tham gia vào một số hoạt động kinh tế phù hợp để mang lại thu nhập hợp pháp cho bản thân.	4	0	2	0	0	1	0	0
3	Chủ đề 5: Tín dụng và cách sử dụng các DV tín dụng	Bài 8: Tín dụng	Nhận biết Nêu được khái niệm tín dụng là gì Chỉ ra được những đặc điểm của tín dụng Hiểu được vai trò của tín dụng Thông hiểu Liệt kê được những biểu hiện của tín dụng được thể hiện trong đời sống	4	0	2	0	0	1	0	0
4		Bài 9: Dịch vụ tín dụng	Nhận biết Nêu được khái niệm một số dịch vụ tín dụng Chỉ ra được những đặc điểm cơ bản của một số dịch vụ tín dụng Thông hiểu Tìm hiểu được các điều kiện để có thể tham gia và sử dụng một số dịch vụ tín dụng hiệu quả	4	0	4	0	0	0	0	1
Tổng				16	0	12	0	0	2	0	1

ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I

TT	Chủ đề	Mạch kiến thức	Mức độ đánh giá	Các mức độ nhận thức							
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao	
				T N	T L	T N	T L	T N	T L	T N	T L
1	CD 3: Thất nghiệp, lạm phát	Bài 5: Thất nghiệp	Nhận biết: - Nêu được: Khái niệm thất nghiệp. Các loại hình thất nghiệp. - Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp. Thông hiểu: - Mô tả được hậu quả của thất nghiệp đối với nền kinh tế và xã hội. - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp. Vận dụng: - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp. Vận dụng cao: - Phân tích được ý nghĩa kinh tế cũng như xã hội của việc ban hành các chính sách vĩ mô nhằm kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp.	4	0	4	0	0	1	0	0
2		Bài 6:	Nhận biết: - Nêu được: Khái niệm lạm phát, các loại hình lạm	4	0	4	0	0	1	0	0

		Lạm phát phát và thất nghiệp. – Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát Thông hiểu: - Mô tả được hậu quả của lạm phát đối với nền kinh tế và xã hội. – Giải thích được nguyên nhân dẫn đến lạm phát Vận dụng: - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát. Vận dụng cao: - Phân tích được ý nghĩa kinh tế cũng như xã hội của việc ban hành các chính sách vĩ mô nhằm kiểm soát và kiềm chế lạm phát.									
3	CĐ 4: YTKD, cơ hội KD, Năng lực cần thiết của người KD	Bài 7: Ý tưởng và cơ hội KD, năng lực cần thiết của người KD	Nhận biết: - Nêu được: Ý tưởng kinh doanh là gì. Cơ hội kinh doanh là gì - Xác định được các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh, các năng lực cần thiết để kinh doanh Thông hiểu: - Giải thích được tại sao cần có ý tưởng kinh doanh. - Giải thích được tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và xác định các cơ hội kinh doanh - Giải thích được tầm quan trọng của việc hình thành các năng lực kinh doanh Vận dụng: - Đánh giá các cơ hội kinh doanh. - Chỉ ra được các năng lực cần thiết của người kinh doanh. - Đánh giá các cơ hội kinh doanh.	4	0	0	0	0	0	0	1

			Vận dụng cao: – Xây dựng được ý tưởng kinh doanh dưới dạng bài tập thực hành. – Xây dựng được ý tưởng kinh, phân tích năng lực kinh doanh của bản thân.										
4	Chủ đề 5: Đạo đức kinh doanh	Bài 8: Đạo đức KD	Nhận biết: Nêu được: Quan niệm về đạo đức kinh doanh. Vai trò của đạo đức kinh doanh. Thông hiểu: - Chỉ ra được các biểu hiện của đạo đức kinh doanh. Vận dụng: - Phê phán được những biểu hiện vi phạm đạo đức kinh doanh. - Biết tìm tòi, học hỏi phẩm chất đạo đức của nhà kinh doanh. Vận dụng cao - Vận động người thân trong gia đình thực hiện đạo đức kinh doanh.	4	0	4	0	0	0	0	0	0	0
Tổng				16	0	12	0	0	2	0	1		

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023 – 2024

GDCD 12 - THỜI GIAN 45 PHÚT

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	Đơn vị kiến thức	Mức độ								Tổng	Tổng thời gian	Tỉ lệ %	Thời lượng giảng dạy	số điểm tương đương
			Biết		Hiểu		VD thấp		VD cao						
			ch TN	Thời gian	ch TN	Thời gian	ch TN	Thời gian	ch TN	Thời gian	ch TN				

1	BÀI 3 CD BÌNH ĐẲNG TRƯỚC PL	1. Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ	2	1	2	2	1	2	0	0	5	5	30%	1 tiết	3
		2. Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí	2	1	2	2	2	2	1	2	7	7			
2	BÀI 4: QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA CD TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC CỦA ĐSXH	1. Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình	3	3	2	2	1	1	1	3	7	9	50%	3 tiết	5
		2. Bình đẳng trong lao động	3	2	2	3	2	3	1	5	8	13			
		3. Bình đẳng trong kinh doanh	2	1	1	1	2	1	0	0	5	3			
3	BÀI 5: QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO	1. Bình đẳng giữa các dân tộc	2	1	2	2	0	0	1	3	5	6	20%	2 tiết	2
		2. Bình đẳng giữa các tôn giáo	2	1	1	1	0	0	0	0	3	2			
Tổng			16	10	12	13	8	9	4	13	40	45		6 tiết	10
Tỉ lệ			40%		30%		20%		10%				100%		100%
Tổng điểm			4		3		2		1		10				

BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

ST T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
	BÀI 3:	1. Công dân bình	Biết – hiểu:	2			

1	CÔNG DÂN BÌNH ĐẲNG TRƯỚC PHÁP LUẬT	đăng về quyền và nghĩa vụ	- Biết được thế nào là bình đẳng trước pháp luật. - Hiểu được thế nào là công dân được bình đẳng trước PL về quyền, nghĩa vụ		2	1	
		2. Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí	Biết – hiểu: Biết được thế nào là bình đẳng về TNPL. - Hiểu được thế nào là công dân được bình đẳng trước PL về TNPL Vận dụng cao: Vận dụng kiến thức đã học để lý giải một số hiện tượng diễn ra trong đời sống	2	2	2	1
2	BÀI 4: QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA CÔNG DÂN TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC ĐSXH	1. Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình	Biết – Hiểu: - Nêu được khái niệm nội dung quyền bình đẳng của công dân trong các lĩnh vực: hôn nhân và gia đình. Biết thực hiện và nhận xét việc thực hiện quyền bình đẳng của công dân trong lĩnh vực hôn nhân – gia đình. Vận dụng cao: Vận dụng kiến thức đã học để lý giải một số hiện tượng diễn đang diễn ra Chuẩn bị tốt kiến thức để sau này ra trường tham gia vào các quan hệ xã hội	3	2	1	1
		2. Bình đẳng trong lao động	Biết – hiểu: Nêu được khái niệm nội dung quyền bình đẳng của công dân trong các lĩnh vực: lao động Vận dụng: Có ý thức tôn trọng các quyền bình đẳng của công dân trong lao động Vận dụng cao: Vận dụng kiến thức đã học để lý giải một số hiện tượng diễn đang diễn ra Chuẩn bị tốt kiến thức để sau này ra trường tham gia vào các quan hệ xã hội.	3	2	2	1
		3. Bình đẳng	Nêu được khái niệm nội dung quyền bình đẳng của công	2	1	2	

		trong kinh doanh	dân trong các lĩnh vực: hôn nhân và gia đình, lao động, kinh doanh. Vận dụng: Có ý thức tôn trọng các quyền bình đẳng của công dân trong kinh doanh.				
3	BÀI 5: QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC DÂN TỘC, TÔN GIÁO	1. Bình đẳng giữa các dân tộc	Biết – hiểu: - Nêu được khái niệm, nội dung, ý nghĩa của quyền bình đẳng giữa các dân tộc. - Hiểu được chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về quyền bình đẳng giữa các dân tộc.	2	2		1
		2. Bình đẳng giữa các tôn giáo	Biết – hiểu: - Nêu được khái niệm, nội dung, ý nghĩa của quyền bình đẳng giữa các tôn giáo. - Hiểu được chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về tôn giáo. Vận dụng cao: - Phân biệt được những việc làm đúng và sai trong việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các tôn giáo. - Biết xử sự phù hợp với quy định của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo	2	1		
		TỔNG		16	12	8	4